

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đã được kiểm toán



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	07 - 11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	12 - 13
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	14 - 15
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	16 - 97

011728
CÔNG TY
TNHH
VỤ TỰ
TÍNH KẾ
KIỂM TO
HÓA NAM
T.P HỒ

AN
E
G R
C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 29 ngày 20 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh

2 Lĩnh vực kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất than cốc;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;



3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch
Võ Thụy Linh	Phó Chủ tịch
Phan Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Nguyễn Tấn Đông	Phó Chủ tịch
Phùng Tiến Thành	Phó Chủ tịch
Nguyễn Quốc Ánh	Phó Chủ tịch
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Chủ tịch
Nguyễn Văn Hải	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc (đến ngày 20/02/2023)
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc
Ngọ Trường Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 14/02/2022)
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ
32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm (tiếp theo):

Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)
Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/02/2022)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Tôn Quang Hùng	Trưởng ban (từ ngày 01/06/2022)
Lê Việt Anh	Trưởng ban (đến ngày 01/06/2022)
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)
Nguyễn Chí Trung	Thành viên (từ ngày 21/12/2022)
Phạm Văn Hùng	Thành viên (từ ngày 21/12/2022)

Đại diện theo pháp luật:

Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch HĐQT
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc
Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc (đến ngày 20/02/2023)
Khương Văn Cương	Tổng Giám đốc (từ ngày 20/02/2023)
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc (từ ngày 06/04/2022)

Kế toán trưởng:

An Văn Thiện
(từ ngày 01/03/2023)
Lê Việt Anh
(đến ngày 01/03/2023)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) là đơn vị thực hiện kiểm toán cho Công ty



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau.

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.
- Lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Khương Văn Cường



Số ~~240A~~/BCKT/TC/2023/AASCS**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 21 tháng 03 năm 2023, từ trang 07 đến trang 97, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**

Phó Tổng Giám Đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số
0064-2023-142-1

Kiểm toán viên

A blue ink signature of Đặng Tùng Hưng.

Đặng Tùng Hưng

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số
3611-2021-142-1

01172
CÔNG T
TNHH
H VỤ TƯ
HÍNH KẾ
KIỂM T
PHÍA NA
- T.P HỒ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.738.351.826.585	5.840.088.248.968
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.227.308.649.543	1.839.864.757.011
111	Tiền		288.086.380.554	1.108.712.456.425
112	Các khoản tương đương tiền		939.222.268.989	731.152.300.586
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		72.830.731.676	125.316.072.303
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	72.830.731.676	125.316.072.303
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		3.547.178.585.190	2.905.221.769.272
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	760.407.290.841	738.937.669.548
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	441.988.475.265	468.561.783.503
135	Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	1.312.047.644.366	868.544.590.913
136	Phải thu ngắn hạn khác	V.06	1.046.163.980.849	842.606.531.439
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.07	(13.428.806.131)	(13.428.806.131)
140	Hàng tồn kho	V.08	707.298.447.147	546.620.729.551
141	Hàng tồn kho		707.298.447.147	546.620.729.551
150	Tài sản ngắn hạn khác		183.735.413.029	423.064.920.831
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	V.09	35.956.514.343	222.484.069.706
152	Thuế GTGT được khấu trừ		132.992.651.466	198.033.544.267
153	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.17	14.786.247.220	2.547.306.858



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (tiếp theo)	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		36.042.370.198.930	33.588.592.239.566
210	Các khoản phải thu dài hạn		1.087.734.194.212	754.038.308.682
212	Trả trước cho người bán dài hạn	V.04	200.877.103.117	232.915.325.487
215	Phải thu về cho vay dài hạn	V.05	781.409.816.498	398.977.094.163
216	Phải thu dài hạn khác	V.06	105.447.274.597	122.145.889.032
220	Tài sản cố định	V.10	28.971.833.687.815	28.763.660.849.623
221	Tài sản cố định hữu hình		28.861.808.534.665	28.762.612.705.475
222	Nguyên giá		30.706.394.844.530	30.270.508.419.727
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.844.586.309.865)	(1.507.895.714.252)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	V.11	106.458.163.768	-
225	Nguyên giá		108.585.938.609	-
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.127.774.841)	-
227	Tài sản cố định vô hình	V.12	3.566.989.382	1.048.144.148
228	Nguyên giá		6.064.047.056	3.055.396.956
229	Giá trị khấu hao lũy kế		(2.497.057.674)	(2.007.252.808)
230	Bất động sản đầu tư	V.13	172.932.295.252	176.944.695.412
231	Nguyên giá		196.763.594.014	196.763.594.014
232	Giá trị khấu hao lũy kế		(23.831.298.762)	(19.818.898.602)
240	Tài sản dở dang dài hạn		34.012.889.897	26.459.154.411
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	34.012.889.897	26.459.154.411
250	Đầu tư tài chính dài hạn		804.640.090.522	694.795.345.490
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.02	763.140.090.522	657.795.345.490
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.500.000.000	-
255	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.02	37.000.000.000	37.000.000.000
260	Tài sản dài hạn khác		4.971.217.041.232	3.172.693.885.948
261	Chi phí trả trước dài hạn	V.09	4.806.005.254.543	2.998.672.513.394
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.22	124.871.578.932	134.819.916.824
269	Lợi thế thương mại		40.340.207.757	39.201.455.730
270	TỔNG TÀI SẢN		41.780.722.025.515	39.428.680.488.534



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		29.787.409.770.142	28.617.696.188.311
310	Nợ ngắn hạn		4.850.454.860.468	4.530.996.635.272
311	Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	1.139.328.235.148	1.448.259.661.194
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	42.000.908.450	48.360.245.627
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	V.17	106.263.390.302	94.544.961.177
314	Phải trả người lao động		51.345.555.163	28.165.566.953
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	1.164.615.153.938	1.231.847.674.306
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.19	2.479.172.849	-
319	Phải trả ngắn hạn khác	V.20	1.132.863.512.025	1.171.845.153.778
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.21	1.207.369.765.610	503.654.205.254
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.189.166.983	4.319.166.983
330	Nợ dài hạn		24.936.954.909.674	24.086.699.553.039
331	Phải trả người bán dài hạn	V.15	419.561.623.083	448.646.923.030
332	Người mua trả tiền trước dài hạn	V.16	1.066.357.761.812	926.250.470.178
333	Chi phí phải trả dài hạn	V.18	3.000.701.307.033	1.505.290.708.706
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19	39.811.707.723	-
337	Phải trả dài hạn khác	V.20	83.896.748.994	99.478.980.636
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.21	20.171.491.307.218	20.949.689.753.107
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.22	155.134.453.811	157.342.717.382

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN (tiếp theo)	Thuyết minh	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.23	11.993.312.255.373	10.810.984.300.223
410	Vốn chủ sở hữu		8.720.503.942.571	7.538.175.987.421
411	Vốn góp của chủ sở hữu		4.206.517.150.000	3.235.055.890.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.206.517.150.000	3.235.055.890.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		(537.900.000)	(208.000.000)
418	Quỹ đầu tư phát triển		32.255.331.777	31.735.254.370
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.210.358.842	-
421	Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối		268.208.723.457	65.492.023.544
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước		109.912.800.856	-
421b	- LNST chưa phân phối của năm nay		158.295.922.601	65.492.023.544
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		4.209.850.278.495	4.206.100.819.507
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.272.808.312.802	3.272.808.312.802
432	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		3.272.808.312.802	3.272.808.312.802
440	TỔNG NGUỒN VỐN		41.780.722.025.515	39.428.680.488.534

TP.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2023
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Sơn

An Văn Thiện

Khương Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022*

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.184.031.128.787	3.853.372.029.640
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.184.031.128.787	3.853.372.029.640
11	Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	2.988.067.961.650	2.820.185.783.502
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.195.963.167.137	1.033.186.246.138
21	Doanh thu hoạt động tài chính	216.086.888.376	196.882.814.203
22	Chi phí tài chính	684.794.006.369	601.470.790.518
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	683.152.954.249	599.197.988.504
24	Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	50.224.402.724	18.892.372.951
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	264.992.887.592	177.432.657.705
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	512.487.564.276	470.057.985.069
31	Thu nhập khác	5.787.048.836	25.289.169.793
32	Chi phí khác	1.095.777.691	22.160.547.545
40	Lợi nhuận khác	4.691.271.145	3.128.622.248
50	Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế	517.178.835.421	473.186.607.317
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	101.854.633.205	183.676.738.566
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.215.300.533)	(120.826.624.967)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	418.539.502.749	410.336.493.718



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
	Phân bổ cho:		
61	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	158.727.667.401	237.050.323.578
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	259.811.835.348	173.286.170.140
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.11	406
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.12	199
			940
			531

TP.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2023
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn

An Văn Thiện



Khương Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	517.178.835.421	473.186.607.317
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) và bất động sản đầu tư	354.910.332.607	319.481.551.777
03	Các khoản dự phòng	-	(144.114.500)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	(266.311.291.100)	(216.367.234.070)
06	Chi phí lãi vay và phát hành trái phiếu	684.560.765.020	599.197.988.504
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	1.290.338.641.948	1.175.354.799.028
09	Tăng các khoản phải thu	(355.614.377.926)	(428.366.068.918)
10	Tăng hàng tồn kho	(160.677.717.596)	(181.628.651.150)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả [không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp]	(310.770.319.949)	211.204.652.841
12	Giảm chi phí trả trước	161.128.048.195	4.999.275.813
14	Tiền lãi vay đã trả	(883.073.542.728)	(703.791.052.222)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(93.128.485.586)	(106.717.188.143)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	19.487.646.169	1.036.000.000
17	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	(1.907.000.000)	(342.768.669)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(334.217.107.473)	(28.251.001.420)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(579.399.967.219)	(381.897.196.188)
22	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	-	120.929.949.550
23	Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(2.448.854.074.924)	(3.048.849.236.985)
24	Thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.917.155.770.689	1.999.906.319.751
25	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(74.290.000.000)	(214.700.000.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	1.904.902.596.853
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	-	106.388.385.658
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.185.388.271.454)	486.680.818.639



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	Thuyết minh	Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	971.483.156.000	739.383.100.000
32	Chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	(201.167.000)	-
33	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	1.302.146.919.922	1.892.267.095.961
34	Chi trả nợ gốc vay	(1.329.892.741.710)	(1.857.292.723.951)
35	Chi trả nợ gốc thuê tài chính	(36.486.895.753)	-
36	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	-	(199.653.823.200)
40	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	907.049.271.459	574.703.648.810
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(612.556.107.468)	1.033.133.466.029
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	V.01 1.839.864.757.011	806.731.290.982
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	V.01 1.227.308.649.543	1.839.864.757.011

Người lập biểu

Trần Ngọc Sơn

Kế toán trưởng

An Văn Thiện

TP.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2023
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Khương Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cả tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 29 ngày 20 tháng 02 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 4.206.517.150.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, Tp. Hồ Chí Minh.

2 Hình thức kinh doanh

Thi công xây lắp, thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Sản xuất than cốc;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;

011726
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ
VẤN KẾ
TOÁN
ĐIỂM TO
HÀ NAM
TP. PHỐ

ĐÈO CẢ
CÔNG TY

3 Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

4 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng**5 Cấu trúc Công ty**

Công ty con:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	34,82%	22,64%	34,91%	26,77%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	1,23%	1,42%	1,23%	1,42%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	33,59%	21,22%	33,68%	25,35%
2	Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%
3	Công ty Cổ phần Đầu Tư Hải Thạch B.O.T	99,73%	83,70%	99,73%	83,70%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	99,73%	83,70%	99,73%	83,70%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	45,85%	43,18%	60,16%	60,16%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	38,21%	38,21%	38,21%	38,21%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	7,64%	4,97%	21,95%	21,95%
5	Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
	<i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
6	Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT	34,64%	22,52%	99,47%	99,47%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	34,64%	22,52%	99,47%	99,47%
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	24,73%	16,08%	71,02%	71,02%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	24,73%	16,08%	71,02%	71,02%
8	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	23,80%	14,85%	68,34%	65,58%
	<i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	23,80%	14,85%	68,34%	65,58%

5 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**Công ty liên doanh, liên kết:**

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
		Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	16,40%	10,65%	50,00%	50,00%
2	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	0,00%	30,00%	0,00%	30,00%
3	Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị <i>Tỷ lệ gián tiếp</i>	11,00%	7,15%	31,60%	31,60%
4	Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo <i>Tỷ lệ trực tiếp</i>	31,94%	27,08%	31,94%	27,08%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên công ty	Địa chỉ
XN QL Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 1 - CN Cty CP Tập Đoàn Đèo Cả tại Phú Yên	Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hòa, Phú Yên
XN QL Khai thác Hạ tầng Giao thông Số 2 - CN Cty CP Tập Đoàn Đèo Cả tại Lạng Sơn	Thôn Đồn Vang, Xã Minh Sơn, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn
Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đèo Cả tại Cao Bằng	Số 62, Tổ 7, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam
Văn phòng đại diện – Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả tại Hà Nội	Tầng 16, Số 265 Đường Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Địa điểm kinh doanh - Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đèo Cả tại Ninh Thuận	Thôn Trà Nô, Xã Phước Hà, Huyện Thuận Nam, Tỉnh Ninh Thuận, Việt Nam

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác**i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả**

Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Quản lý, khai thác, bảo trì hầm đường bộ Hải Vân, Hầm đường bộ Đèo cả, Cổ Mã, Hầm đường bộ Cù Mông, Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia; quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng các tuyến đường quốc lộ được giao; đảm bảo giao thông khi có thiên tai dịch họa xảy ra trên địa bàn được giao; dịch vụ thu phí cầu đường; vận tải hành khách đường bộ khác: kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, gồm: chuyên chở mô tô, xe máy, xe đạp cùng người điều khiển phương tiện đó và người đi bộ qua hầm đường bộ bằng phương tiện chuyên dùng, kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; xây dựng nhà các loại; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; sửa chữa các sản phẩm đúc sẵn; sửa chữa máy móc thiết bị; sửa chữa thiết bị điện; sửa chữa thiết bị khác; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt hệ thống điện;



5 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)**Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)****i) Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà (tiếp theo)**

Xây dựng công trình công ích; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; hoàn thiện công trình xây dựng; cho thuê xe có động cơ; cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bốc xếp hàng hóa; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; dịch vụ lưu trú ngắn ngày; hoạt động tư vấn quản lý; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức du lịch; gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 3.078.044.500.000 VND

ii) Công ty Cổ Phần BOT Hưng Phát

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng nhà các loại; xây dựng các công trình công ích;

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 164.000.000.000 VND

iii) Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T

Ngành nghề kinh doanh: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ kim loại quý và đá quý).

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 1.129.130.000.000 VND

iv) Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 61.500.000.000 VND

v) Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cà

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động dịch vụ bảo vệ; hoạt động dịch vụ bảo vệ cá nhân.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 7.900.000.000 VND

vi) Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106205342 ngày 12/06/2013; thay đổi lần thứ 9 ngày 22/02/2021 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

5 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

vi) Công ty Cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT (tiếp theo)

Giấy chứng nhận đầu tư số 62/BKHĐT-GCNTTN ngày 17/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; điều chỉnh thay đổi lần thứ nhất ngày 17 tháng 08 năm 2015:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế;

Phụ lục Hợp đồng BOT số 07/11378/HĐ.BOT-BGTVT ngày 23/04/2021 giữa Bộ Giao thông vận tải và Liên danh Phước Tượng Phú Gia (Nhà đầu tư) – Công ty cổ phần Phước Tượng Phú Gia BOT về việc Dự án đầu tư xây dựng công trình Hầm đường bộ Phước Tượng Phú Gia và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 1.559.231.104.000 VND

+ *Vốn chủ sở hữu:* 262.000.000.000 VND

+ *Vốn vay:* 1.297.231.104.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 273.786.000.000 VND

vii) Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104567756 ngày 05 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Đến nay Công ty đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 23 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 04/03/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính Dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân);

Tổng mức đầu tư dự án theo Phụ lục 09 của Hợp đồng 26/HĐXD-DEOCA với Bộ Giao thông Vận tải ký ngày 13/03/2019 là 21.612 tỷ đồng.

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính: 21.612.008.175.000 VND

+ *Vốn tự có:* 1.749.864.583.000 VND

+ *Vốn khác:* 1.438.432.378.000 VND

+ *Vốn vay:* 13.375.708.235.000 VND

+ *Vốn Nhà nước hỗ trợ:* 5.048.002.979.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án.

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 2.092.450.000.000 VND

5 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

viii) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106987957 ngày 11/09/2015; thay đổi lần thứ 15 ngày 25/05/2022, do Sở kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 110/BKHĐT-GNNĐKĐTĐTN cấp ngày 29/03/2016, điều chỉnh lần thứ nhất ngày 19/10/2016 về việc chấp thuận dự án đầu tư:

+ Dự án Đầu tư xây dựng công trình tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	12.188.665.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	1.645.470.000.000 VND
+ Vốn vay:	10.543.195.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Dự án vẫn tiếp tục hoàn thành và đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 1.495.847.400.000 VND

ix) Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0106159826 ngày 22 tháng 4 năm 2013. Giấy phép thay đổi lần thứ 5 ngày 27 tháng 5 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội.

Giấy chứng nhận đầu tư số 60/BKHĐT-GCNĐTĐTN ngày 25/09/2013:

+ Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 & Km1405 - Km1425, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức Hợp đồng BOT.

Quyết định 108/QĐ-BGTVT ngày 13 tháng 01 năm 2016 về việc thu phí tại trạm thu phí Ninh An Km1425+200 Quốc lộ 1 để hoàn vốn cho dự án Đầu tư xây dựng công trình mở rộng QL1 đoạn Km1374+525 - Km1392 và Km1405 - Km1425+500, tỉnh Khánh Hòa theo hình thức hợp đồng BOT:

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	2.644.478.000.000 VND
+ Vốn chủ sở hữu:	339.447.800.000 VND
+ Vốn vay:	2.305.030.200.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 305.000.000.000 VND

Dự án đang được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, thẩm tra phê duyệt giá trị quyết toán.

5 Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tóm tắt thông tin hoạt động của Các Công ty con và Công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

x) Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0108311466 ngày 05 tháng 06 năm 2018. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 18 tháng 03 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

+ Dự án Đầu tư xây dựng thành phần 2: Tuyến cao tốc từ cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng (Km1+800-Km44+749,67), tỉnh Lạng Sơn.

Tuyến cao tốc Cửa khẩu Hữu Nghị - Chi Lăng được đầu tư xây dựng theo Quyết định số 1833/QĐ-BGTVT ngày 14/06/2016 của Bộ Giao thông vận tải. UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án tại các quyết định số 1523/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 và quyết định số 2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018.

Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 05/04/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Phương án tài chính của Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng tuyến cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn đoạn Km1+800-Km108+500, kết hợp tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1+800-Km106+500, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Lạng Sơn theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.743.000.000.000 VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	1.749.000.000.000 VND
+ <i>Vốn vay:</i>	6.994.000.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 424.000.000.000 VND

Tại ngày 31/12/2022 Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị dự án đầu tư.

xi) Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo

Là doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng BOT được thành lập theo Giấy phép chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316685416 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21 tháng 01 năm 2021. Giấy phép Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 17 tháng 8 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Dự án: Đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông gian đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT.

+ Quy mô, tần suất thiết kế và tiêu chuẩn của Dự án (theo GCNĐT BOT)

- Cơ cấu nguồn vốn đầu tư theo Phương án tài chính:	8.925.480.000.000 VND
+ <i>Vốn chủ sở hữu:</i>	1.030.000.000.000 VND
+ <i>Vốn vay:</i>	2.756.200.000.000 VND
+ <i>Vốn ngân sách Nhà nước:</i>	5.139.280.000.000 VND

Vốn đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện theo tiến độ của dự án

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 831.200.000.000 VND

Tại ngày 31/12/2022, Dự án đang trong giai đoạn xây dựng.



II KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND hoặc đồng).

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán

Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tập đoàn đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a) Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- + Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.
- + Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- + Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

1 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)

b) Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Tập đoàn tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b) Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên được phân loại là dài hạn.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Tập đoàn phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tập đoàn. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tập đoàn sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tập đoàn được loại trừ khi hợp nhất.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)

Công ty con (tiếp theo)

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tập đoàn áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tập đoàn sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một năm kế toán. Nếu ngày kết thúc năm kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc năm kế toán của các công ty và ngày kết thúc năm kế toán của Tập đoàn. Độ dài của năm báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các năm.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tập đoàn áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tập đoàn.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b) Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết (tiếp theo)

Công ty liên kết (tiếp theo)

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào các công ty liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết, Tập đoàn sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho các công ty liên kết.

Các chính sách kế toán của các bên liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tập đoàn với các bên liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tập đoàn trong các bên liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

4 Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tập đoàn trong tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con hay công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó nhưng không quá 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua khoản đầu tư vào công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm mua. Tập đoàn không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán khoản đầu tư vào công ty con hoặc công ty liên kết, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con định kỳ hàng năm. Lợi thế thương mại được ghi nhận theo giá vốn trừ khấu hao lũy kế trừ tổn thất lợi thế thương mại lũy kế. Nếu có bằng chứng cho thấy phần giá trị lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**5 Nguyên tắc các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

6 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Tập đoàn lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

7 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hạng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**7 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (“TSCĐ”), thuê tài chính, bất động sản đầu tư (tiếp theo)**

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hạng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình (ngoại trừ tài sản cố định hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T)) được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng đối với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOTBT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 – 30 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao
- Tài sản cố định khác	02 – 20 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Tập đoàn, trừ trường hợp BĐS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tổn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (hệ số thu hồi vốn được tính bằng tổng mức đầu tư chia cho doanh thu hòa vốn theo hợp đồng BOT). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang đang trong quá trình thực hiện dự án được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Chi phí này bao gồm: Chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định Chuẩn mực 16 - Chi phí lãi vay thực tế phát sinh trong năm tài chính và được ghi nhận lũy kế từ khi Dự án được triển khai thực hiện theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt đối với Dự án BOT và Hợp đồng BOT được ký giữa Bộ Giao thông vận tải và doanh nghiệp dự án.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**9 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng xây dựng – kinh doanh – chuyển giao (B.O.T)**

Hợp đồng xây dựng – chuyển giao – kinh doanh (sau đây gọi tắt là hợp đồng B.O.T) là hình thức đầu tư được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi xây dựng xong, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10 Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

11 Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

12 Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng năm kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng năm kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

13 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

14 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phản ánh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng kế ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phản ánh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

15 Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

16 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

17 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ tại ngày kết thúc năm kế toán nếu không có bằng chứng chắc chắn cho thấy Tập đoàn sẽ phải trả lại khoản tiền nhận trước cho khách hàng bằng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

011729
CÔNG TY
TNHH
VỤ TỰ
NH KẾ T
KIỂM TOÁN
HÀ NAM
P. HỒ C

CÔNG T

ĐÈO CÀ

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**18 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN của Công ty tại thời điểm báo cáo.

19 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo điều lệ của Công ty và các quy định của Pháp luật Việt Nam.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.

Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tập đoàn trích lập các quỹ sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

e) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tập đoàn: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...



IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**21 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

22 Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong năm và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCĐN-VP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020. Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong năm sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các năm tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong năm:

$$\text{Chi phí lãi vay trong năm} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}} \times \text{Doanh thu thực hiện trong năm}$$

23 Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của Tập đoàn gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý Tập đoàn; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

24 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

25 Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

26 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

27 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	5.610.488.961	6.326.582.877
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	282.238.791.593	1.101.719.673.548
Tiền đang chuyển	237.100.000	666.200.000
Các khoản tương đương tiền	939.222.268.989	731.152.300.586
- Tiền gửi có kỳ hạn	939.222.268.989	731.152.300.586
Cộng	<u>1.227.308.649.543</u>	<u>1.839.864.757.011</u>



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	72.830.731.676	72.830.731.676	125.316.072.303	125.316.072.303
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	72.830.731.676	72.830.731.676	125.316.072.303	125.316.072.303
Dài hạn	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000	37.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (**)	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
- Trái phiếu (***)	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Cộng	109.830.731.676	109.830.731.676	162.316.072.303	162.316.072.303

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất là 3,7%/năm.

(**) Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Vietinbank với lãi suất là 4,9%/năm.

(***) Thông tin trái phiếu:

Tên tổ chức phát hành Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	Số lượng	Mệnh giá	Tổng trị giá	Lãi suất trả sau	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
	80.000	100.000	8.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +0,9%/năm	24/09/2020	24/09/2028
	1.000	10.000.000	10.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	200	10.000.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2%/năm	27/09/2019	27/09/2029
	20.000	100.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1%/năm	18/11/2021	18/11/2031
			22.000.000.000			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư VND	Giá trị hợp lý (**) VND	Dự phòng VND	Giá trị đầu tư VND
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long (*)	-	-	-	16.863.024.022
Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	135.092.389.134	-	-	135.648.682.337
Công ty CP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	362.557.701.388	-	-	309.583.639.131
Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	265.490.000.000	-	-	195.700.000.000
Cộng	763.140.090.522	-	-	657.795.345.490

Biến động trong đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Đầu tư tăng thêm	Các khoản điều chỉnh giảm	Phân chia lãi lỗ từ các công ty LDLC	Số đầu năm
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long (*)	-	(14.669.657.692)	(2.193.366.330)	16.863.024.022
Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	135.092.389.134	-	(556.293.203)	135.648.682.337
Công ty CP Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	362.557.701.388	-	52.974.062.257	309.583.639.131
Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	265.490.000.000	-	-	195.700.000.000
Cộng	763.140.090.522	(14.669.657.692)	50.224.402.724	657.795.345.490

(*) Tập đoàn đã hoàn tất việc thoái vốn phần đầu tư vào Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2022/CNCP-HOANGLONG ký ngày 30 tháng 3 năm 2022.

(**) Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty này chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

3 PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	294.094.418.187	167.129.992.271
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng INDEC	45.963.304.247	3.095.168.730
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Quảng Ninh	32.894.756.100	29.572.180.000
Ban quản lý dự án Thăng Long - Bộ Giao thông Vận tải	30.754.667.940	10.317.351.256
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long	25.827.127.779	-
Ban quản lý dự án giao thông tỉnh Bình Định	22.451.124.000	-
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Thành phố Tuy Hòa	19.554.694.347	19.554.694.347
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	10.220.142.239	8.539.387.673
Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	9.794.417.000	20.781.706.000
Đối tượng khác	96.634.184.535	75.269.504.265
Bên liên quan	466.312.872.654	571.807.677.277
Công ty Cổ phần Trung Lương - Mỹ Thuận	238.644.355.007	256.050.743.745
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	158.344.114.463	251.179.781.304
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	39.925.306.284	31.959.134.168
Công ty Cổ phần Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	15.119.328.795	9.609.386.234
Công ty Cổ phần TĐĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	11.779.479.393	13.779.479.393
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hải Thạch	1.346.999.707	768.786.907
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	476.633.550	-
Công ty TNHH Đèo Cả Capital (Tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả)	335.624.850	335.624.850
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	205.960.240	721.036.330
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn Hữu Nghị	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	30.459.750	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	9.260.685	771.750
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	-	7.307.582.666
Cộng	760.407.290.841	738.937.669.548



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	408.501.083.777	414.674.734.686
Công ty Cổ phần Đầu tư Thịnh Phát	51.720.019.837	45.126.130.127
Công ty Cổ phần Đầu Tư Năng Ban Mai	42.321.083.436	55.105.565.436
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	26.043.035.078	26.408.103.816
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	25.930.883.000	25.800.000.000
Công ty Cổ phần Máy và Phụ tùng T&C	19.912.570.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Trung Tín H.B	18.288.838.711	18.288.838.711
Công ty TNHH Vật Liệu Ngoại Thất Nhật Bản	18.244.172.045	18.372.872.045
Công ty TNHH Nhạc Sơn	16.198.207.218	11.186.391.641
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Đông Á	14.359.029.400	14.359.029.400
Công ty CP Xây dựng Thương mại Dịch vụ Phú Hiển Vinh	12.679.038.198	-
Công ty CP Kỹ Thuật Công Nghiệp Á Châu	12.217.732.082	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Đông Phương	12.149.392.825	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	10.121.033.175	-
Công ty Cổ phần Thương Mại - Dịch Vụ Huy Thiên Phú	6.571.272.763	10.319.816.763
Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam	1.619.163.191	25.500.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Trí Nam	-	28.500.000.000
Đối tượng khác	120.125.612.818	135.707.986.747
Bên liên quan	33.487.391.488	53.887.048.817
Công ty Cổ phần TĐ ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	-	11.842.689.385
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả	-	8.556.967.944
Cộng	441.988.475.265	468.561.783.503

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

4 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	200.877.103.117	232.828.834.487
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Công Trình Ngầm	94.082.320.759	94.082.320.759
Ban quản lý dự án 85	21.807.969.484	21.807.969.484
Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô	-	14.067.301.993
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	10.356.014.000	10.356.014.000
Đối tượng khác	74.630.798.874	92.515.228.251
Bên liên quan	-	86.491.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	-	86.491.000
Cộng	200.877.103.117	232.915.325.487

5 PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	359.453.500.000	452.004.727.898
Công ty CP Truyền thông Đầu tư Việt Nguyễn Tiến Nam	185.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư THG Holdings	50.497.500.000	158.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Đèo Cả - Huy Hoàng	50.000.000.000	-
Vũ Văn Thành	26.066.000.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông Hà Thanh	20.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Sài Gòn Asphalt	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty TNHH MTV Nihon Vina	6.100.000.000	27.400.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	1.900.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Công trình Tây An	-	198.000.000.000
Đối tượng khác	-	24.166.727.898
	3.940.000.000	9.438.000.000



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**5 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)****a) Ngắn hạn (tiếp theo)**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên liên quan	952.594.144.366	416.539.863.015
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Miền Bắc	610.927.164.384	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	280.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn ĐT XD Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	27.100.000.000	28.900.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	19.750.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	14.816.979.982	5.280.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	203.200.000.000
Công ty CP Quản lý và khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	-	151.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	-	16.459.863.015
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Hà Thành	-	700.000.000
Cộng	1.312.047.644.366	868.544.590.913

Đây là các khoản cho vay ngắn hạn có lãi suất từ 6% đến 12%, thời gian thu hồi từ 2 tháng đến 12 tháng.

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	2.500.000.000	2.500.000.000
CN Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z tại TP.HCM (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
Bên liên quan	778.909.816.498	396.477.094.163
Công ty Cổ phần Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (2)	528.696.585.101	154.683.196.154
Công ty CP Quản lý và khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả (3)	151.000.000.000	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận (4)	99.213.231.397	77.493.898.009
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	164.300.000.000
Cộng	781.409.816.498	398.977.094.163

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**5 PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)****b) Dài hạn (tiếp theo)**

- (1) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 8%/năm.
 (2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 12/10/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021 hưởng lãi suất 10.33%/năm.
 (3) Đây là khoản phải thu về cho vay trong vòng 24 tháng hưởng lãi suất 8%/năm.
 (4) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐHT/BOT TLMT - DCG ngày 01/08/2021 hưởng lãi suất 10.5%/năm.

6 PHẢI THU KHÁC**a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	909.672.485.130	535.936.289.663
Tạm ứng	188.919.975.422	86.372.671.598
Ký cược, ký quỹ	636.150.000	586.149.520
Phải thu khác	720.116.359.708	448.977.468.545
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T	152.000.000.000	120.000.000.000
Nguyễn Minh Giang	115.625.100.000	-
Phạm Đình Thuận	85.341.384.746	79.869.642.012
Nguyễn Văn Tùng	54.810.000.000	-
Đình Văn Chương	48.173.069.209	48.173.069.209
Ban Đồng Đăng Trà Lĩnh	32.435.000.000	30.500.000.000
Hội đồng bồi thường hỗ trợ Tái định cư các dự án trọng điểm trên địa bàn huyện Phú Lộc	26.058.512.000	26.058.512.000
Các đối tượng khác	205.673.293.753	144.376.245.324
Bên liên quan	136.491.495.719	306.670.241.776
Hồ Minh Hoàng	50.000.000.000	70.365.343.259
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	32.700.120.373	59.039.987
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	19.831.697.262	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	14.172.686.705	11.860.686.705
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả	12.146.191.781	66.191.781
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	7.292.538.551	6.839.007.547
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	287.121.321	4.383.562
Công ty Cổ phần ĐT TM Quốc Tế Hà Thành	61.139.726	53.852.054
Võ Thụy Linh	-	200.100.000.000
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	-	12.325.400.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	4.492.508.721
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây Dựng Hoàng Long	-	266.301.370
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	237.526.790
Cộng	1.046.163.980.849	842.606.531.439

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6 PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	71.191.661.748	70.758.888.921
Phải thu tiền sửa chữa, bảo hành dự án	25.096.534.444	14.238.250.544
Ký cược, ký quỹ	22.276.932.634	32.143.881.422
Trung tâm phát triển quỹ đất và Cụm Công Nghiệp huyện Lạng Giang	12.301.719.456	12.301.719.456
Các đối tượng khác	11.516.475.214	12.075.037.499
Bên liên quan	34.255.612.849	51.387.000.111
Công ty Cổ phần Đầu tư TMQT Hà Thành	33.952.042.939	33.952.042.939
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	303.569.910	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	10.858.274.980
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	6.576.682.192
Cộng	105.447.274.597	122.145.889.032

7 NỢ XẤU

Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

	Số cuối năm		Dự phòng VND
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100
Đối tượng khác	3.358.273.969	-	3.358.273.969
Cộng	13.428.806.131	-	13.428.806.131

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**7 NỢ XẤU (tiếp theo)**

	Số đầu năm		
	Giá trị gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường 19	5.159.490.529	-	5.159.490.529
Công ty Quản lý và Sửa chữa đường bộ Đắc Lắc	3.399.652.533	-	3.399.652.533
Cục Quản lý đường bộ III	837.818.000	-	837.818.000
Công ty Cổ phần Nhà thép tiền chế Chí Việt	673.571.100	-	673.571.100
Đối tượng khác	3.358.273.969	-	3.358.273.969
Cộng	13.428.806.131	-	13.428.806.131

8 HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	85.377.688.115	-	35.270.652.400	-
Công cụ, dụng cụ	1.645.995.023	-	981.678.928	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	605.060.900.864	-	506.488.175.737	-
Thành phẩm	11.052.606.452	-	-	-
Hàng hóa	4.161.256.693	-	3.880.222.486	-
Cộng	707.298.447.147	-	546.620.729.551	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan đến chi phí của các công trình xây lắp chưa hoàn thành.

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	7.994.973.975	1.366.157.485
Chi phí lãi vay	-	195.828.759.432
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	-	261.848.362
Các khoản khác	27.961.540.368	25.027.304.427
Cộng	35.956.514.343	222.484.069.706

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay chờ phân bổ	4.773.316.767.716	2.991.383.533.735
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	21.316.411.484	125.093.865
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	-	714.503.183
Chi phí sửa chữa, bảo hiểm xe	-	35.294.143
Các khoản khác	11.372.075.343	6.414.088.468
Cộng	4.806.005.254.543	2.998.672.513.394

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị quản lý VND	Khác VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm	29.916.331.929.361	175.969.581.396	142.900.976.632	25.867.496.715	9.438.435.623	30.270.508.419.727
2. Số tăng trong năm	69.834.476.858	365.844.294.127	70.116.079.067	21.075.083.300	8.078.190.580	534.948.123.932
Mua trong năm	14.475.070.617	365.844.294.127	70.116.079.067	1.738.008.633	8.078.190.580	460.251.643.024
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	41.457.456.244	-	-	19.337.074.667	-	60.794.530.911
Tặng khác	13.901.949.997	-	-	-	-	13.901.949.997
3. Số giảm trong năm	37.656.491.292	60.939.026.019	-	-	466.181.818	99.061.699.129
Thanh lý, nhượng bán	-	60.939.026.019	-	-	466.181.818	61.405.207.837
Giảm khác	37.656.491.292	-	-	-	-	37.656.491.292
4. Số dư cuối năm	29.948.509.914.927	480.874.849.504	213.017.055.699	46.942.580.015	17.050.444.385	30.706.394.844.530
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm	1.339.869.947.075	67.109.277.901	76.148.464.205	17.792.177.442	6.975.847.629	1.507.895.714.252
2. Khấu hao trong năm	269.737.432.520	43.959.001.415	22.903.239.853	3.248.414.691	1.720.079.186	341.568.167.665
Khấu hao trong năm	269.737.432.520	43.959.001.415	22.903.239.853	3.248.414.691	1.720.079.186	341.568.167.665
3. Số giảm trong năm	126.547.034	4.543.833.098	-	-	207.191.920	4.877.572.052
Thanh lý, nhượng bán	-	4.543.833.098	-	-	207.191.920	4.751.025.018
Giảm khác	126.547.034	-	-	-	-	126.547.034
4. Số dư cuối năm	1.609.480.832.561	106.524.446.218	99.051.704.058	21.040.592.133	8.488.734.895	1.844.586.309.865
III. Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	28.576.461.982.286	108.860.303.495	66.752.512.427	8.075.319.273	2.462.587.994	28.762.612.705.475
Tại ngày cuối năm	28.339.029.082.366	374.350.403.286	113.965.351.641	25.901.987.882	8.561.709.490	28.861.808.534.665

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (tiếp theo)

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:	28.051.582.349.019 VND
Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:	76.809.761.545 VND

Nguyên giá tạm tính của tài sản hình thành từ dự án BOT như sau:

Nguyên giá tạm tính của Dự án đầu tư xây dựng hầm đường bộ qua Đèo Cả:

- Hạng mục hầm Cổ Mã và đường dẫn là 3.038.620.880.732 VND;
- Hạng mục hầm Đèo Cả là 6.374.947.625.414 VND;
- Hạng mục hầm Cù Mông là 2.898.117.355.184 VND;
- Hạng mục hầm Hải Vân là 5.126.521.395.924 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tăng cường mặt đường QL1 đoạn Km1 + 800 – Km 106 + 500 là 1.761.415.098.541 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án hạng mục tuyến cao tốc Bắc Giang – Tp. Lạng Sơn đoạn KM45+100 – KM 108 + 500 là 10.399.445.194.018 VND.

Nguyên giá tạm tính của dự án Hầm đường bộ Phước Tượng và Phú Gia, QL1A, Tỉnh Thừa Thiên Huế là 1.373.336.011.198 VND.

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T) thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm).

Nguyên giá tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn nhà nước hỗ trợ chờ quyết toán với nguyên giá tạm tính là: 3.038.620.880.732 VND (nguyên giá này không trích khấu hao)



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Số tăng trong năm	108.585.938.609	108.585.938.609
Thuê trong năm	108.585.938.609	108.585.938.609
3. Số giảm trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	108.585.938.609	108.585.938.609
II. Giá trị hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Khấu hao trong năm	2.127.774.841	2.127.774.841
Tăng trong năm	2.127.774.841	2.127.774.841
3. Số giảm trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	2.127.774.841	2.127.774.841
III. Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	106.458.163.768	106.458.163.768

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	618.292.634	2.437.104.322	3.055.396.956
2. Số tăng trong năm	-	3.008.650.100	3.008.650.100
Mua trong năm	-	3.008.650.100	3.008.650.100
3. Số giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối năm	618.292.634	5.445.754.422	6.064.047.056
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	64.441.225	1.942.811.583	2.007.252.808
2. Khấu hao trong năm	12.881.088	476.923.778	489.804.866
Khấu hao trong năm	12.881.088	476.923.778	489.804.866
3. Số giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối năm	77.322.313	2.419.735.361	2.497.057.674
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	553.851.409	494.292.739	1.048.144.148
Tại ngày cuối năm	540.970.321	3.026.019.061	3.566.989.382

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 93.749.989 VND

Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 1.626.200.000 VND

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**13 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
I. Nguyên giá			
1. Số dư đầu năm	99.490.866.741	97.272.727.273	196.763.594.014
2. Số tăng trong năm	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
3. Số giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối năm	99.490.866.741	97.272.727.273	196.763.594.014
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
1. Số dư đầu năm	19.818.898.602	-	19.818.898.602
2. Khấu hao trong năm	4.012.400.160	-	4.012.400.160
Khấu hao trong năm	4.012.400.160	-	4.012.400.160
3. Số giảm trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4. Số dư cuối năm	23.831.298.762	-	23.831.298.762
III. Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	79.671.968.139	97.272.727.273	176.944.695.412
Tại ngày cuối năm	75.659.567.979	97.272.727.273	172.932.295.252

Giá trị còn lại cuối năm của BĐSĐT dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay là: 173.935.395.292 VND.

Nguyên giá BĐSĐT cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND.

14 XÂY DỰNG CƠ BÀN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí chuẩn bị dự án đầu tư	19.482.984.480	14.199.911.683
Sửa chữa văn phòng, nhà xưởng	13.636.905.417	12.259.242.728
Mua sắm tài sản cố định	893.000.000	-
Cộng	34.012.889.897	26.459.154.411

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****a) Ngân hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	965.963.239.151	965.963.239.151	1.156.952.859.695	1.156.952.859.695
Công ty Cổ phần Lizen	127.019.458.362	127.019.458.362	126.120.568.337	126.120.568.337
Công ty TNHH Hòa Hiệp	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256	56.746.314.256
Công ty Cổ phần Xây lắp 368	35.789.287.291	35.789.287.291	64.842.691.563	64.842.691.563
Công ty TNHH Xây dựng Mỹ Đà	35.356.917.682	35.356.917.682	75.356.917.682	75.356.917.682
Công ty TNHH SP4AN	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655	31.926.486.655
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	31.362.930.667	31.362.930.667	34.549.076.453	34.549.076.453
Công ty Cổ phần Tập đoàn Tri Nam	22.790.963.309	22.790.963.309	122.491.454.000	122.491.454.000
Công ty TNHH Xây dựng Tổng hợp Đồng Hới	21.677.906.883	21.677.906.883	24.033.539.459	24.033.539.459
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng TM Tân Hoàng Long	21.421.626.980	21.421.626.980	22.219.332.832	22.219.332.832
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	20.419.651.259	20.419.651.259	36.688.881.552	36.688.881.552
Công ty Cổ phần XD và TM và Dịch vụ Thăng Long	6.720.507.679	6.720.507.679	-	-
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại An Phú Thành	-	-	28.737.718.805	28.737.718.805
Đối tượng khác	554.731.188.128	554.731.188.128	533.239.878.101	533.239.878.101
Bên liên quan	173.364.995.997	173.364.995.997	291.306.801.499	291.306.801.499
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	166.627.695.062	166.627.695.062	276.475.907.247	276.475.907.247
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	4.043.817.284	4.043.817.284	8.446.323.379	8.446.323.379
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	1.837.991.651	1.837.991.651	1.306.111.651	1.306.111.651
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	855.492.000	855.492.000	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	-	-	5.078.459.222	5.078.459.222
Cộng	1.139.328.235.148	1.139.328.235.148	1.448.259.661.194	1.448.259.661.194

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên khác	419.561.623.083	419.561.623.083	429.888.700.785	429.888.700.785
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA Thăng Long - Xi nghiệp Đại Việt	97.873.463.105	97.873.463.105	114.873.463.105	114.873.463.105
Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đẩu	63.324.714.138	63.324.714.138	63.324.714.138	63.324.714.138
Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long	34.783.028.365	34.783.028.365	34.783.028.365	34.783.028.365
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng A2Z	30.187.672.346	30.187.672.346	32.328.941.346	32.328.941.346
Công ty TNHH APAVE Châu Á - Thái Bình Dương	20.646.941.214	20.646.941.214	20.646.941.214	20.646.941.214
Công ty Cổ phần kỹ thuật công nghiệp Á Châu	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715	18.019.220.715
Chi nhánh Công ty TNHH MTV BCA - Thăng Long tại TP Hồ Chí Minh	14.066.275.015	14.066.275.015	22.066.275.015	22.066.275.015
Công ty TNHH NIPPON KOEI Việt Nam Internationallic	13.569.057.653	13.569.057.653	13.569.057.653	13.569.057.653
Đối tượng khác	127.091.250.532	127.091.250.532	110.277.059.234	110.277.059.234
Bên liên quan	-	-	18.758.222.245	18.758.222.245
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	-	-	18.758.222.245	18.758.222.245
Cộng	419.561.623.083	419.561.623.083	448.646.923.030	448.646.923.030

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

16 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	10.819.071.597	11.383.905.163
Tổng công ty xây dựng Lũng Lô	2.475.005.925	2.475.005.925
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Ngầm	1.495.821.371	1.495.821.371
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tư vấn Lộc Phát Lộc	264.017.500	3.400.000.000
Công ty Xăng dầu Khu vực V	-	3.000.000.000
Đối tượng khác	6.584.226.801	1.013.077.867
Bên liên quan	31.181.836.853	36.976.340.464
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	29.929.090.776	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	728.691.177	36.452.285.564
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	524.054.900	524.054.900
Cộng	42.000.908.450	48.360.245.627

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	421.134.001.799	457.550.098.270
BQL Dự án Giao thông tỉnh Bình Định	140.423.923.000	-
BQL các Dự án Đầu tư các CTDD & CN tỉnh Quảng Ninh	90.458.369.000	203.575.369.000
Công ty TNHH Đầu Tư Và Xây Dựng Indec	79.757.862.200	11.327.888.126
Ban quản lý dự án 6 - Bộ giao thông Vận tải	50.363.121.599	53.107.515.300
BQL các Dự án Đầu tư Xây dựng tỉnh Phú Yên	45.558.017.000	55.306.800.000
BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông Tỉnh Cao Bằng	14.572.709.000	-
BQL Dự án Thăng Long - Bộ Giao thông Vận tải	-	127.672.307.844
BQLDA Đầu Tư Xây Dựng Các Công Trình Giao Thông Tỉnh Quảng Ninh	-	6.560.218.000
Bên liên quan	645.223.760.013	468.700.371.908
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	604.177.515.132	296.978.594.438
Công Ty Cổ phần Xây Dựng Đèo Cả	41.046.244.881	28.800.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	-	142.921.777.470
Cộng	1.066.357.761.812	926.250.470.178

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

a)	Phải trả	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	86.264.479.798	105.515.080.496	93.128.485.586	98.651.074.708
	Thuế thu nhập cá nhân	1.491.505.785	10.995.179.589	10.990.216.889	1.496.468.485
	Thuế giá trị gia tăng	5.731.599.741	53.701.963.658	53.317.716.290	6.115.847.109
	Thuế tài nguyên	-	3.065.640.403	3.065.640.403	-
	Thuế khác	1.057.375.853	1.339.202.184	2.396.578.037	-
	Phí khác	-	1.262.668.775	1.262.668.775	-
	Cộng	94.544.961.177	175.879.735.105	164.161.305.980	106.263.390.302
b)	Phải thu	Số đầu năm VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã thực thu trong năm VND	Số cuối năm VND
	Thuế giá trị gia tăng	2.402.093.441	14.786.247.220	2.402.093.441	14.786.247.220
	Thuế khác	145.213.417	-	145.213.417	-
	Cộng	2.547.306.858	14.786.247.220	2.547.306.858	14.786.247.220

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	572.460.000.000	691.871.624.000
Chi phí trung tu, đại tu công trình	127.566.665.648	66.482.416.518
Trích trước chi phí xây lắp	50.002.412.980	-
Trích trước lãi vay	2.459.768.786	2.359.364.187
Trích trước tiền lương, thù lao HĐQT	-	1.875.625.000
Chi phí vận hành hầm	-	461.157.037
Các khoản khác	412.126.306.524	468.797.487.564
Cộng	<u>1.164.615.153.938</u>	<u>1.231.847.674.306</u>

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay phải trả	2.965.790.122.589	1.478.746.521.189
Trích trước lãi vay	34.911.184.444	26.544.187.517
Cộng	<u>3.000.701.307.033</u>	<u>1.505.290.708.706</u>

19 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước	2.479.172.849	-
Cộng	<u>2.479.172.849</u>	<u>-</u>

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Doanh thu nhận trước	39.811.707.723	-
Cộng	<u>39.811.707.723</u>	<u>-</u>

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20 PHẢI TRẢ KHÁC

a) Ngắn hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Bên khác	1.046.797.082.961	1.072.119.821.060
Các khoản phải trả bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo hành, khối lượng chờ quyết toán	362.257.002.532	448.677.975.373
Nhận cọc mua Cổ phiếu	405.230.433.274	352.283.999.994
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Miền Trung Group	49.967.800.000	49.967.800.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh	40.941.000.000	47.053.903.226
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	35.000.000.000	35.000.000.000
Ban Đồng Đẳng Trà Lĩnh	28.000.000.000	28.000.000.000
Đối tượng khác	125.400.847.155	111.136.142.467
Bên liên quan	86.066.429.064	99.725.332.718
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	65.626.091.401	24.129.036.411
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	18.650.350.455	13.002.021.690
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	1.419.987.208	1.530.987.208
Nguyễn Quốc Ánh	320.000.000	320.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	50.000.000	50.000.000
Võ Thụy Linh	-	58.560.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	-	1.282.684.931
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	-	813.686.642
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	-	36.915.836
Cộng	1.132.863.512.025	1.171.845.153.778

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

20 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

b) Dài hạn

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.446.000.000	32.446.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	53.450.748.994	67.032.980.636
<i>Gói thầu Hợp phần quốc lộ 1 - Bảo hành chờ quyết toán</i>	37.449.235.354	37.449.235.354
<i>Phải trả bảo đảm thực hiện hợp đồng các nhà thầu</i>	10.920.222.126	26.379.852.645
<i>Đối tượng khác</i>	5.081.291.514	3.203.892.637
Cộng	83.896.748.994	99.478.980.636

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thach Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****a) Ngắn hạn**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm				Số đầu năm	
	Giá trị VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giảm VND	Giá trị VND	
Bên khác	1.207.369.765.610	711.733.541.790	773.480.211.740	700.754.405.081	422.910.417.161			
NH Công thương VN - CN Hà Nội	622.990.000.000	622.990.000.000	-	-	-	-	-	
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	279.065.558.172	46.210.156.143	342.301.791.159	189.691.250.314	80.244.861.184			
NH Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	138.707.852.371	-	182.455.629.587	205.739.534.977	161.991.757.761			
NH Công Thương VN - CN Đà Nẵng	112.320.401.051	-	239.282.679.503	266.087.973.553	139.125.695.101			
NH Việt Á - CN Hà Nội	21.419.000.000	21.419.000.000	-	-	-	-	-	
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	12.531.860.208	12.531.860.208	-	-	-	-	-	
NH Công thương VN - CN4 TPHCM	9.440.111.491	-	9.440.111.491	8.808.928.013	8.808.928.013			
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease	7.775.696.820	7.775.696.820	-	-	-	-	-	
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	278.400.000	278.400.000	-	278.400.000	278.400.000			
NH Sacombank - CN Phú Yên	-	-	-	23.300.000.000	23.300.000.000			
Công ty CP Tư vấn Xây dựng A2Z	-	-	-	6.100.000.000	6.100.000.000			
Đối tượng khác	2.840.885.497	528.428.619	-	748.318.224	3.060.775.102			
Bên liên quan	-	12.000.000.000	-	92.743.788.093	80.743.788.093			
Công Ty CP Tập Đoàn Hải Thạch	-	-	-	50.743.788.093	50.743.788.093			
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000			
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	-	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-			
Cộng	1.207.369.765.610	723.733.541.790	773.480.211.740	793.498.193.174	503.654.205.254			



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÉO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	3.300.000.000.000	10 – 12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Ký quỹ và quyền sử dụng đất
NH Sacombank - CN Phú Yên	35.000.000.000	12 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Tín chấp
NH Công thương VN - CN4 TPHCM	10.000.000.000	11 tháng	9%/năm	Trái phiếu doanh nghiệp
NH Công Thương VN - CN Đà Nẵng	200.000.000.000	Theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Cả vật xe ô tô, giấy CNQSD căn hộ tại chung cư Đà Nẵng Plaza
NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	1.500.000.000.000	9 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ Vốn



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn**

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Bên khác	20.127.491.307.218	447.466.708.182	450.031.612.281	711.205.113.171	20.841.261.324.488	
NH Công thương VN - CN Hà Nội	18.712.602.822.777	-	357.460.000.000	622.990.000.000	19.693.052.822.777	
NH Việt Á - CN Hà Nội	940.176.132.333	21.314.561.976	20.160.000.000	21.419.000.000	960.440.570.357	
NH Tiên Phong - CN Thăng Long	153.116.391.193	152.528.963.938	3.719.347.956	46.210.156.143	50.516.931.354	
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	37.799.245.182	72.484.800.000	22.153.694.610	12.531.860.208	-	
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hoàng Long (2)	33.035.000.000	-	-	-	33.035.000.000	
Công ty TNHH Đồng Thuận Hà (1)	30.465.000.000	-	-	-	30.465.000.000	
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chaillease	22.679.115.736	44.788.013.699	14.333.201.143	7.775.696.820	-	
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	417.600.000	-	-	278.400.000	696.000.000	
Công ty TNHH Phúc Thịnh 68	-	1.350.368.569	33.605.368.569	-	32.255.000.000	
NH TP Bank - mua xe ô tô	-	-	-	-	-	
Trái phiếu (3)	197.199.999.997	155.000.000.000	(1.399.999.997)	-	40.800.000.000	
<i>Mệnh giá phát hành</i>	<i>200.000.000.000</i>	<i>159.200.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>40.800.000.000</i>	
<i>Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu</i>	<i>(2.800.000.003)</i>	<i>(4.200.000.000)</i>	<i>(1.399.999.997)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b) Dài hạn (tiếp theo)

	Số cuối năm		Phát sinh trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Tăng VND	Giảm VND	Vay dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị VND	Giá trị VND
Bên liên quan	44.000.000.000	-	51.900.000.000	12.528.428.619	108.428.428.619	
Công ty CPĐT Hạ tầng Miền Bắc	44.000.000.000	-	48.000.000.000	-	92.000.000.000	
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	-	-	-	12.000.000.000	12.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	-	-	3.900.000.000	528.428.619	4.428.428.619	
Cộng	20.171.491.307.218	447.466.708.182	501.931.612.281	723.733.541.790	20.949.689.753.107	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)****b) Dài hạn (tiếp theo)**

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

Bên cho vay	Hạn mức vay/Số tiền vay	Thời hạn vay	Lãi suất	Tài sản đảm bảo	
				Tài sản hình thành từ khoản vay	Tài sản hình thành từ khoản vay
NH TMCP Tiên Phong	265.069.497.330	36 - 72 tháng	8 - 13,15%	Tài sản hình thành từ khoản vay	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	1.392.000.000	60 tháng	12% năm	Tài sản hình thành từ khoản vay	Tài sản hình thành từ khoản vay
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	92.000.000.000	24 tháng	8%/năm	Tin chấp	Tin chấp
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailase	31.102.787.291	48 tháng	10.97%/năm	Ký cược	Ký cược
Công ty Cho thuê Tài Chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN TPHCM	65.236.320.000	60 tháng	8%/năm	Ký cược	Ký cược
Ngân hàng Vietinbank - CN Hà Nội	22.841.000.000.000	180 - 312 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT	Quyền thu phí của Dự án BOT
Ngân hàng VietABank - Chi nhánh Hà Nội	1.148.942.000.000	233 tháng	Ghi trên từng giấy nhận nợ	Quyền thu phí của Dự án BOT	Quyền thu phí của Dự án BOT

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đồng Thuận Hà

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM XD Hoàng Long

(3) Chi tiết trái phiếu được trình bày sau đây:

Trái phiếu thường	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn	Lãi suất
	40.800.000.000	11,5%/năm	3 năm	11,5%/năm

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đáo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phần của Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T sở hữu tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, tương ứng với tổng giá trị hợp lý tối thiểu 150% giá trị phát hành.

c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán: Không có

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

22 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LOẠI PHẢI TRẢ

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	124.871.578.932	134.819.916.824
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	124.871.578.932	134.819.916.824

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	155.134.453.811	157.342.717.382
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	155.134.453.811	157.342.717.382

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐỀ CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

23 VỐN CHỦ SỞ HỮU

1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn kinh phí và quỹ khác (5) VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số đầu năm trước	2.495.672.790.000	81.680.000	33.282.644.815	5.387.847.256	310.689.188.871	3.271.772.312.802	1.827.310.088.154	7.944.196.551.898
Tăng vốn trong năm	739.383.100.000	-	-	-	-	-	-	739.383.100.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	237.050.323.578	-	173.286.170.140	410.336.493.718
Tăng khác	-	-	-	-	-	1.036.000.000	-	1.036.000.000
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	30.463.448.227	-	(30.463.448.227)	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.078.195.684)	-	-	(2.078.195.684)
Thanh lý khoản đầu tư/thay đổi một phần lợi ích trong các công ty con hiện hữu	-	-	-	(5.387.847.256)	(250.052.021.794)	-	2.269.139.703.185	1.981.688.995.463
Không mất quyền KS	-	-	(32.010.838.672)	-	(199.653.823.200)	-	(63.635.141.972)	(263.288.965.172)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(289.680.000)	-	-	-	-	-	(289.680.000)
Số cuối năm trước	3.235.055.890.000	(208.000.000)	31.735.254.370	-	65.492.023.544	3.272.808.312.802	4.206.100.819.507	10.810.984.300.223

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)****23 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu: (tiếp theo)**

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm nay	3.235.055.890.000	(208.000.000)	31.735.254.370	-	65.492.023.544	3.272.808.312.802	4.206.100.819.507	10.810.984.300.223		
Vốn tăng trong năm (1)	971.461.260.000	(329.900.000)	-	-	-	-	45.372.350.000	1.016.503.710.000		
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	158.727.667.401	-	259.811.835.348	418.539.502.749		
Trích quỹ khác (2)	-	-	-	-	(4.210.358.842)	-	-	-		
Trích quỹ đầu tư phát triển (3)	-	-	520.077.407	-	(520.077.407)	-	(1.475.255.200)	-		
Trả thù lao (4)	-	-	-	-	(431.744.800)	-	-	-		
Thay đổi từ tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty con	-	-	-	-	49.151.213.561	-	(299.959.471.160)	(250.808.257.599)		
Số cuối năm nay	4.206.517.150.000	(537.900.000)	32.255.331.777	4.210.358.842	268.208.723.457	3.272.808.312.802	4.209.850.278.495	11.993.312.255.373		

(1) Trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2021 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/4/2022, trong năm Công ty đã phát hành 97.146.126 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với giá phát hành và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

(2) Theo nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua việc trích lập quỹ.

(3) Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua việc trích lập quỹ Đầu tư phát triển.

(4) Theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ, HĐQT đã thông qua việc chi trả thù lao cho HĐQT

(5) Đây là nguồn vốn Ngân sách Nhà nước được cấp theo Hợp đồng dự án số 26/HXD-DEOCA ngày 08/11/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo, được cấp nhật vào tổng mức đầu tư của Dự án tại quyết định số 400/QĐ-BGTVT ngày 4/3/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh phương án tài chính dự án hầm đường bộ qua Đèo Cả (bao gồm Đèo Cả và hầm Cổ Mã, hầm Cù Mông và hầm Hải Vân); Theo đó, nguồn vốn này được giao cho Doanh nghiệp dự án thực hiện dự án BOT nhằm đảm bảo phương án tài chính đã ký với cơ quan chức năng có thẩm quyền.



V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**23 VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Hồ Minh Hoàng	1.658.241.920.000	39,42%	1.640.735.280.000	50,72%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	725.843.530.000	17,26%	603.020.000.000	18,64%
Võ Thụy Linh	257.472.570.000	6,12%	153.444.400.000	4,74%
Công ty TNHH Đèo Cả Capital (*)	217.686.300.000	5,17%	147.686.300.000	4,57%
Đối tượng khác	1.347.272.830.000	32,03%	690.169.910.000	21,33%
Cộng	4.206.517.150.000	100,00%	3.235.055.890.000	100,00%

(*) Công ty TNHH Đèo Cả Capital được đổi tên từ Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 4 do Sở kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 6 năm 2022

3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	3.235.055.890.000	2.495.672.790.000
- Vốn góp tăng trong năm	971.461.260.000	739.383.100.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.206.517.150.000	3.235.055.890.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	199.653.823.200

4 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	420.651.715	-	323.505.589	-
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	420.651.715	-	323.505.589	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	420.651.715	-	323.505.589	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

V THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

24 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	200,08	200,08

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1 DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu các trạm thu phí BOT	1.484.106.158.515	1.264.579.806.368
Doanh thu hợp đồng xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	2.538.908.667.133	2.165.380.070.225
Doanh thu kinh doanh Bất động sản	27.052.474.320	97.298.925.847
Doanh thu bán hàng hóa	18.817.202.559	230.103.527.324
Doanh thu bán thành phẩm	65.642.375.783	50.749.529.725
Doanh thu cung cấp dịch vụ	28.367.393.286	11.738.769.258
Doanh thu khác	21.136.857.191	33.521.400.893
Các khoản giảm trừ	-	-
Doanh thu thuần	4.184.031.128.787	3.853.372.029.640

2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn các trạm thu phí BOT	545.993.658.415	449.694.934.417
Giá vốn hoạt động xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	2.310.596.744.736	1.967.022.890.256
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	8.636.464.041	68.311.196.587
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.305.470.999	244.617.085.371
Giá vốn của thành phẩm đã bán	63.717.905.815	49.643.694.035
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	20.341.086.244	21.640.877.093
Giá vốn khác	14.476.631.400	19.255.105.743
Cộng	2.988.067.961.650	2.820.185.783.502

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	214.856.546.068	91.372.964.858
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	1.230.342.308	90.494.428.545
Cộng	216.086.888.376	196.882.814.203

4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	683.152.954.249	599.197.988.504
Chi phí phát hành trái phiếu	1.399.999.997	-
Chi phí tài chính khác	241.052.123	2.272.802.014
Cộng	684.794.006.369	601.470.790.518

5 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên, vật liệu	-	88.636.831
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.297.617.264	3.506.992.982
Chi phí nhân viên	95.470.063.960	66.537.651.523
Chi phí khấu hao	11.736.550.244	11.142.077.542
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.451.985.609	45.315.554.558
Hoàn nhập/dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(135.854.500)
Các chi phí khác	74.036.670.515	50.977.598.769
Cộng	264.992.887.592	177.432.657.705

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**6 THU NHẬP KHÁC**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	19.484.419.867
Các khoản khác	5.787.048.836	5.804.749.926
Cộng	5.787.048.836	25.289.169.793

7 CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	463.118.311	-
Các khoản khác	632.659.380	22.160.547.545
Cộng	1.095.777.691	22.160.547.545

8 CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.738.684.219.940	1.718.764.823.606
Chi phí nhân viên	593.472.442.749	436.297.624.783
Chi phí khấu hao tài sản cố định	354.910.332.607	319.481.551.777
Chi phí dịch vụ mua ngoài	895.837.271.399	196.190.929.434
Chi phí khác bằng tiền	178.688.708.755	192.325.689.837
Cộng	3.761.592.975.450	2.863.060.619.437

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	101.814.262.245	181.561.250.516
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm này	40.370.960	2.115.488.050
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	101.854.633.205	183.676.738.566

10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LOẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế TNDN hoãn loại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(3.215.300.533)	(120.826.624.967)
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	(3.215.300.533)	(120.826.624.967)

11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	158.727.667.401	237.050.323.578
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	390.690.992	252.285.599
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	406	940

12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	158.727.667.401	237.050.323.578
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm (*)	408.052.063	176.494.411
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	390.690.992	270.286.256
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	199	531

VI THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

(*) Theo nghị quyết số 03/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06/04/2022 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty về việc thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ lên 8.287.037.780.000 VND. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, số lượng cổ phiếu dự kiến còn lại phải phát hành thêm là 408.052.063 cổ phiếu.

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1 Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong tương lai: Không có

2 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

3 Số tiền đi vay thực thu trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.302.146.919.922	1.892.267.095.961

4 Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.329.892.741.710	1.857.292.723.951

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

2 Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2022: Không phát sinh

3 Thông tin về các bên liên quan: Xem phụ lục 1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**4 Báo cáo bộ phận****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh**

Nhằm phục vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

	Năm trước						
	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV ra bên ngoài	50.749.529.725	241.842.296.582	2.165.380.070.225	97.298.925.847	1.264.579.806.368	33.521.400.893	3.853.372.029.640
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp DV	50.749.529.725	241.842.296.582	2.165.380.070.225	97.298.925.847	1.264.579.806.368	33.521.400.893	3.853.372.029.640
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.105.835.690	(24.415.665.882)	198.357.179.969	28.987.729.260	814.884.871.951	14.266.295.150	1.033.186.246.138
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(177.432.657.705)
LN từ hoạt động KD							855.753.588.433
Doanh thu hoạt động tài chính							196.882.814.203
Chi phí tài chính							(601.470.790.518)
Thu nhập khác							25.289.169.793
Chi phí khác							(22.160.547.545)
Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết							18.892.372.951
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(183.676.738.566)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							120.826.624.967
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							410.336.493.718
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác							(381.897.196.188)
Tổng chi phí khấu hao							(319.481.551.777)



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Năm nay										
	Thành phẩm	Hàng hóa, Dịch vụ	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa	Bất động sản đầu tư	Thu phí, vận hành các trạm	Khác	Tổng cộng				
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND				
Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV ra bên ngoài	65.642.375.783	47.184.595.845	2.538.908.667.133	27.052.474.320	1.484.106.158.515	21.136.857.191	4.184.031.128.787				
Tổng doanh thu thuần BH và cung cấp DV	65.642.375.783	47.184.595.845	2.538.908.667.133	27.052.474.320	1.484.106.158.515	21.136.857.191	4.184.031.128.787				
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.924.469.968	2.538.038.602	228.311.922.397	18.416.010.279	938.112.500.100	6.660.225.791	1.195.963.167.137				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận							(264.992.887.592)				
LN từ hoạt động KD							930.970.279.545				
Doanh thu hoạt động tài chính							216.086.888.376				
Chi phí tài chính							(684.794.006.369)				
Thu nhập khác							5.787.048.836				
Chi phí khác							(1.095.777.691)				
Phản lãi hoặc lỗ trong Công ty liên doanh liên kết							50.224.402.724				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành							(101.854.633.205)				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại							3.215.300.533				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp							418.539.502.749				
Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ và các tài sản dài hạn khác							(579.399.967.219)				
Tổng chi phí khấu hao							(354.910.332.607)				



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh**

	Số đầu năm						Tổng cộng VND
	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND	
Tài sản bộ phận	25.036.134.651	81.381.742.478	3.511.996.444.320	176.944.695.412	32.355.512.700.711	34.415.559.262	36.185.287.276.834
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.243.393.211.700
Tổng tài sản	25.036.134.651	81.381.742.478	3.511.996.444.320	176.944.695.412	32.355.512.700.711	34.415.559.262	39.428.680.488.534
Nợ phải trả bộ phận	26.082.936.435	67.457.519.368	2.326.765.848.181	-	25.349.842.977.716	4.464.620.734	27.774.613.902.434
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	843.082.285.877
Tổng nợ phải trả	26.082.936.435	67.457.519.368	2.326.765.848.181	-	25.349.842.977.716	4.464.620.734	28.617.696.188.311

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)****4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)****a) Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)****Tài sản và nợ phải trả theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	Số cuối năm							Tổng cộng VND
	Thành phẩm VND	Hàng hóa, Dịch vụ VND	Xây lắp, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa VND	Bất động sản đầu tư VND	Thu phí, vận hành các trạm VND	Khác VND		
Tài sản bộ phận	102.986.232.850	62.920.686.084	4.005.894.085.095	172.932.295.252	33.657.835.517.377	399.279.658.288	38.401.848.474.946	
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	3.378.873.550.569	
Tổng tài sản	102.986.232.850	62.920.686.084	4.005.894.085.095	172.932.295.252	33.657.835.517.377	399.279.658.288	41.780.722.025.515	
Nợ phải trả bộ phận	78.524.200.406	34.601.887.479	2.671.931.497.792	-	25.867.270.542.788	12.609.096.832	28.664.937.225.297	
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	1.122.472.544.845	
Tổng nợ phải trả	78.524.200.406	34.601.887.479	2.671.931.497.792	-	25.867.270.542.788	12.609.096.832	29.787.409.770.142	

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

b) Báo cáo chính yếu theo khu vực địa lý

	Năm trước			Tổng cộng VND
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	309.685.779.091	1.551.654.399.540	1.992.031.851.009	3.853.372.029.640
Tài sản bộ phận	12.131.630.482.857	21.831.858.760.533	5.465.191.245.144	39.428.680.488.534
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(381.897.196.188)

	Năm nay			Tổng cộng VND
	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	492.109.618.167	3.129.701.393.989	562.220.116.631	4.184.031.128.787
Tài sản bộ phận	13.455.796.671.562	27.700.355.402.418	624.569.951.535	41.780.722.025.515
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				(579.399.967.219)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạc Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**5 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****a) Tài sản tài chính**

	Giá trị số sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.227.308.649.543	-	1.839.864.757.011	-	1.227.308.649.543	1.839.864.757.011
Phải thu khách hàng	760.407.290.841	(11.254.151.882)	738.937.669.548	(11.254.151.882)	760.407.290.841	727.683.517.666
Trả trước cho người bán	642.865.578.382	(1.301.620.413)	701.477.108.990	(1.301.620.413)	642.865.578.382	700.175.488.577
Phải thu về cho vay	2.093.457.460.864	-	1.267.521.685.076	-	2.093.457.460.864	1.267.521.685.076
Các khoản phải thu khác	1.151.611.255.446	(873.033.836)	964.752.420.471	(873.033.836)	1.151.611.255.446	963.879.386.635
Đầu tư tài chính ngắn hạn	72.830.731.676	-	125.316.072.303	-	72.830.731.676	125.316.072.303
Đầu tư tài chính dài hạn	804.640.090.522	-	694.795.345.490	-	804.640.090.522	694.795.345.490
Cộng	6.753.121.057.274	(13.428.806.131)	6.332.665.058.889	(13.428.806.131)	6.753.121.057.274	6.319.236.252.758



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5 Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải trả cho người bán	1.558.889.858.231	-	1.896.906.584.224	-	1.558.889.858.231	-	1.896.906.584.224	-
Người mua trả tiền trước	1.108.358.670.262	-	974.610.715.805	-	1.108.358.670.262	-	974.610.715.805	-
Vay và nợ	21.378.861.072.828	-	21.453.343.958.361	-	21.378.861.072.828	-	21.453.343.958.361	-
Phải trả người lao động	51.345.555.163	-	28.165.566.953	-	51.345.555.163	-	28.165.566.953	-
Các khoản phải trả khác	1.259.051.141.591	-	1.271.324.134.414	-	1.259.051.141.591	-	1.271.324.134.414	-
Cộng	25.356.506.298.075	-	25.624.350.959.757	-	25.356.506.298.075	-	25.624.350.959.757	-

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phân ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm kế toán. Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b) Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

b) Rủi ro thanh toán (tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Trên 05 năm VND	Tổng VND
Phải trả cho người bán	1.139.328.235.148	419.561.623.083	-	1.558.889.858.231
Người mua trả tiền trước	42.000.908.450	1.066.357.761.812	-	1.108.358.670.262
Vay và nợ	1.207.369.765.610	11.185.682.144.767	8.985.809.162.451	21.378.861.072.828
Chi phí phải trả	1.164.615.153.938	3.000.701.307.033	-	4.165.316.460.971
Các khoản phải trả phải nộp khác	1.292.951.630.339	118.208.456.717	5.500.000.000	1.416.660.087.056
Cộng	4.846.265.693.485	15.790.511.293.412	8.991.309.162.451	29.628.086.149.348

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Do Tập đoàn được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Tập đoàn là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Tập đoàn có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

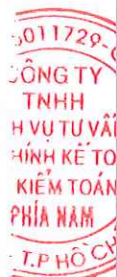
Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá

+ Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Tổng Giám đốc cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tập đoàn sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Tập đoàn khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.



VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

6 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty (tiếp theo)

c) Rủi ro thị trường

- Rủi ro về giá (tiếp theo)

+ Rủi ro về giá bất động sản

Tập đoàn đã xác định được rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư bất động sản của Tập đoàn:

Việc chi phí của các dự án phát triển có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Để hạn chế rủi ro này Tập đoàn thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về các yêu cầu lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi dự án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch.

Rủi ro giá trị hợp lý của doanh mục đầu tư bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

7 Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Vì vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

8 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs).

TP.HCM, ngày 21 tháng 03 năm 2023

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Sơn

An Văn Thiện

Khương Văn Cường

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH/SỐ DƯ BÊN LIÊN QUAN

I DANH SÁCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch
 Hồ Minh Hoàng
 Võ Thụy Linh
 Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long
 Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa
 Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị
 Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo
 Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành

 Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc

 Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

 Công ty TNHH Đèo Cả Capital (Tên cũ là Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả)
 Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả

 Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo cả
 Công ty Cổ phần Tập đoàn ĐT XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên
 Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch

 Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả

 Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển thương mại Trung Hải

Mối quan hệ

Cổ đồng
 Cổ đồng lớn, Chủ tịch HĐQT
 Cổ đồng lớn, Phó chủ tịch HĐQT
 Công ty liên doanh, liên kết đến hết ngày 30 tháng 3 năm 2022
 Công ty liên doanh, liên kết

 Công ty liên doanh, liên kết

 Công ty liên doanh, liên kết
 Công ty liên quan của ông Ngô Trường Nam, Nguyễn Quốc Ánh, Nguyễn Hữu Hùng
 Công ty liên quan của ông Ngô Trường Nam, Nguyễn Quốc Ánh
 Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng, Nguyễn Tấn Đông, Nguyễn Văn Hải, Hồ Đình Chung, Nguyễn Quốc Ánh
 Công ty liên quan của ông Hồ Minh Hoàng

 Công ty liên quan của ông Phan Văn Thắng, Nguyễn Quốc Ánh, Nguyễn Hữu Hùng, Nguyễn Văn Hải
 Công ty liên quan của Võ Thụy Linh, Nguyễn Hữu Hùng, Nguyễn Quốc Ánh
 Công ty liên quan của ông Nguyễn Tấn Đông
 Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh
 Công ty liên quan của ông Hồ Đình Chung, Nguyễn Quốc Ánh
 Công ty liên quan của ông Nguyễn Quốc Ánh



II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

		Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		2.221.774.194	1.670.637.100
1. Hội đồng quản trị		1.980.000.000	1.532.308.900
Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	360.000.000	324.000.000
Trần Văn Thế	Phó chủ tịch (đến ngày 09/12/2021)	-	216.000.000
Võ Thụy Linh	Phó chủ tịch	240.000.000	216.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Phó chủ tịch	240.000.000	171.378.900
Lưu Xuân Thủy	Phó chủ tịch (đến ngày 09/12/2021)	-	216.000.000
Phan Văn Thắng	Phó chủ tịch	240.000.000	170.958.000
Phùng Tiến Thành	Phó chủ tịch	240.000.000	-
Nguyễn Quốc Ánh	Phó chủ tịch	240.000.000	129.600.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch	240.000.000	-
Nguyễn Văn Hải	Thành viên	180.000.000	-
Nguyễn Thanh Trang	Thành viên (đến ngày 30/06/2021)	-	88.372.000
2. Ban Kiểm soát		241.774.194	138.328.200
Lê Việt Anh	Trưởng Ban (đến ngày 01/06/2022)	75.000.000	99.596.700
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban (từ ngày 01/06/2022)	105.000.000	-
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	58.225.806	-
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	-	38.731.500
Nguyễn Chí Trung	Thành viên (từ ngày 21/12/2022)	1.774.194	-
Phạm Văn Hùng	Thành viên (từ ngày 21/12/2022)	1.774.194	-

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (tiếp theo):

		Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương Ban Tổng Giám đốc		5.581.006.321	4.935.469.798
Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc (đến ngày 20/02/2023)	855.937.005	354.507.863
Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc	770.991.550	247.123.863
Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	431.681.818	162.628.409
Phùng Tiến Thành	Tổng giám đốc (đến ngày 05/04/2021)	-	1.087.172.728
Lê Quỳnh Mai	Tổng giám đốc (đến ngày 05/04/2021)	-	197.000.000
Nguyễn Tấn Đông	Tổng giám đốc (đến ngày 05/04/2021)	-	321.818.182
Nguyễn Quang Vĩnh	Tổng Giám đốc	748.688.833	-
Cao Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc	711.367.759	538.057.543
Nguyễn Văn Sáng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	27.618.182	129.534.000
Nguyễn Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	243.220.455	534.677.286
Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 14/02/2022)	33.072.727	75.250.000
Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	709.697.371	359.965.991
Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	8.554.545	413.256.900
Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	471.362.761	-
Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	42.118.337
Vũ Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/08/2021)	-	297.358.696
Cam Thị Minh Hải	Kế toán trưởng (đến ngày 14/05/2021)	-	175.000.000
Lê Việt Anh	Kế toán Trưởng (đến ngày 01/03/2023)	568.813.315	-
Tiền lương Ban kiểm soát		1.349.278.272	204.117.391
Tôn Quang Hùng	Trưởng Ban	561.388.280	37.818.182
Nguyễn Thanh Duy	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	147.102.381	-
Phan Thị Bảo Trâm	Thành viên (đến ngày 21/12/2022)	219.861.214	166.299.209
Nguyễn Chí Trung	Thành viên (từ ngày 21/12/2022)	314.971.851	-
Phạm Văn Hùng	Thành viên (từ ngày 21/12/2022)	105.954.546	-
Cộng		9.152.058.787	6.810.224.289

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):

- Các giao dịch khác

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Hồ Minh Hoàng	Góp vốn chủ sở hữu Hoàn ứng Nhận cổ tức	367.506.640.000 20.365.343.259 -	185.590.000.000 - 110.591.041.280
Võ Thụy Linh	Nhận cổ tức Góp vốn chủ sở hữu	58.560.000.000 170.348.520.000	11.932.000.000 -
Trần Văn Thế	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- -	155.720.000 35.504.920
Nguyễn Quốc Ánh	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	10.000.000.000 -	- 150.277.080
Nguyễn Văn Hải	Hoàn ứng	100.000.000	-
Hồ Đình Chung	Góp vốn chủ sở hữu Phải thu khác Nhận cổ tức	- - -	99.970.000 10.044.700.000 22.794.680
Đặng Xuân Chính	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	- -	1.252.088.809 6.596.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****1 Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan (tiếp theo):****- Các giao dịch khác**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ngo Trường Nam	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	-	94.430.000
Nguyễn Hữu Hùng	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	72.200.000	21.530.800
Cao Ngọc Nam	Góp vốn chủ sở hữu	754.230.000	10.130.800
Nguyễn Văn Sáng	Góp vốn chủ sở hữu Tạm ứng	18.050.000	-
Phạm Duy Hiếu	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	150.000.000	-
Nguyễn Quang Huy	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	862.150.000	15.196.200
Phan Văn Thắng	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	490.190.000	-
Phùng Tiến Thành	Nhận cổ tức	-	33.985.680
Lê Việt Anh	Nhận cổ tức	-	45.850.800
	Góp vốn chủ sở hữu Nhận cổ tức	208.700.000	98.800.000
		-	123.300.000
		-	28.120.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÁ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Cho vay Lãi cho vay Lãi vay Trả tiền vay	891.768.023 2.363.835.112 - 216.986.301 46.227.102 3.900.000.000	3.155.177.845 19.228.086.174 11.000.000.000 266.301.370 588.794.837 -
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Chia cổ tức	20.580.919.975 -	39.079.521.412 15.000.000.000
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Lãi vay Góp vốn	- -	1.716.705.446 10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Nhận tiền vay Trả tiền vay Lãi vay Cho vay Thu tiền cho vay Lãi cho vay Chi cổ tức	- - - 700.000.000 7.287.672 -	104.900.830.138 104.900.830.138 1.530.987.208 200.000.000 76.950.000.000 3.287.331.507 2.369.860.586

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Dầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	189.649.449	-
	Lãi cho vay	46.612.970.798	1.316.152.712
	Lãi vay	256.438.356	7.121.863.014
	Cho vay	791.500.000.000	92.500.000.000
	Thu tiền cho vay	175.572.835.616	100.200.000.000
	Nhận tiền vay	-	100.000.000.000
	Trả tiền vay	30.000.000.000	70.000.000.000
Công ty cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	632.693.148.759	1.064.539.369.204
	Ký quỹ ký cược	25.305.290.820	7.802.215.340
	Hoàn trả ký quỹ ký cược	36.170.215.320	-
	Cho vay	20.950.000.000	82.930.000.000
	Thu tiền cho vay	-	2.000.000.000
	Lãi cho vay	10.079.819.662	2.074.775.279
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	2.471.613.718	360.468.041
	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	22.735.597.273
	Lãi cho vay	12.080.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)****2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	525.648.000	1.398.375.273
	Mua hàng hóa, dịch vụ	491.471.379	-
	Lãi cho vay	6.591.796.164	21.605.543.562
	Lãi vay	58.507.600	197.531.498
	Cho vay	-	727.100.000.000
	Thu tiền cho vay	367.500.000.000	400.300.000.000
	Nhận tiền vay	-	27.743.788.093
	Trả tiền vay	50.743.788.093	27.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Nhận tiền góp vốn	138.000.000.000	-
	Chia cổ tức	-	50.659.460.586
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	842.465.433.769	12.305.772.081
	Lãi cho vay	31.921.474.861	2.787.579.716
	Cho vay	267.684.074.924	152.900.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Thu tiền cho vay	22.994.631.431	1.000.000.000
	Góp vốn	69.790.000.000	-
	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	261.399.300.986	460.609.354.384
	Mua hàng hóa, dịch vụ	358.156.217.812	522.054.431.774
	Nhận tiền vay	-	373.199.991.337
	Trả tiền vay	-	613.052.984.705
	Lãi vay	-	17.028.193.259
	Lãi cho vay	453.531.004	2.733.463.844
Chuyển nhượng bất động sản	Cho vay	-	399.030.000.000
	Thu tiền cho vay	16.459.863.015	-

II GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

2 Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Trả tiền vay Lãi vay	8.560.062 12.000.000.000 941.753.425	- - -
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Lãi cho vay Cho vay Thu tiền cho vay	37.162.039 2.721.920.000 19.255.697.262 422.000.000.000 340.000.000.000	- - - - -
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Chi cổ tức	-	8.708.240.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Lãi cho vay Thu tiền cho vay Cho vay	2.312.000.000 1.800.000.000 -	1.792.065.754 2.100.000.000 31.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ Mua hàng hóa, dịch vụ Cho vay Thu tiền cho vay Lãi cho vay	841.169.498 14.827.164.770 21.750.000.000 2.000.000.000 348.558.220	- - - - -

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a)			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty Cổ phần Trung Lương - Mỹ Thuận	Dịch vụ xây lắp	238.644.355.007	256.050.743.745
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Dịch vụ xây lắp	158.344.114.463	251.179.781.304
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Dịch vụ xây lắp	39.925.306.284	31.959.134.168
Công ty Cổ phần Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Dịch vụ xây lắp	15.119.328.795	9.609.386.234
Công ty Cổ phần TĐ XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Dịch vụ khác	11.779.479.393	13.779.479.393
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hải Thạch	Dịch vụ khác	1.346.999.707	768.786.907
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Dịch vụ khác	476.633.550	-
Công ty TNHH Đèo Cả Capital (Tên cũ là Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đèo Cả)	Dịch vụ khác	335.624.850	335.624.850
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác đường Cao tốc Đèo Cả	Dịch vụ khác	205.960.240	721.036.330
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn Hữu Nghị	Dịch vụ khác	95.349.930	95.349.930
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Dịch vụ khác	30.459.750	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	Dịch vụ khác	9.260.685	771.750
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	Dịch vụ khác	-	7.307.582.666
Cộng		466.312.872.654	571.807.677.277
b)			
Trả trước cho nhà cung cấp ngắn hạn			
Công ty Cổ phần TĐ XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Dịch vụ khác	33.487.391.488	33.487.391.488
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	Dịch vụ tư vấn	-	11.842.689.385
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo cả	Dịch vụ xây lắp	-	8.556.967.944
Cộng		33.487.391.488	53.887.048.817

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CÀ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
c) Trả trước cho nhà cung cấp dài hạn	Dịch vụ tư vấn	-	86.491.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long		-	
Cộng		86.491.000	
d) Phải thu về cho vay ngắn hạn	Cho vay ngắn hạn	610.927.164.384	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Miền Bắc	Cho vay ngắn hạn	280.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	Cho vay ngắn hạn	27.100.000.000	28.900.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn ĐT XD Cầu Đường Sài Gòn - Phú Yên	Cho vay ngắn hạn	19.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trung Hải	Cho vay ngắn hạn	14.816.979.982	5.280.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Cho vay ngắn hạn	-	203.200.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Cho vay ngắn hạn	-	151.000.000.000
Công ty CP Quản lý và khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Cho vay ngắn hạn	-	16.459.863.015
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Cho vay ngắn hạn	-	11.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	Cho vay ngắn hạn	-	700.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Hà Thành	Cho vay ngắn hạn	-	-
Cộng		952.594.144.366	416.539.863.015
e) Phải thu về cho vay dài hạn	Cho vay dài hạn	528.696.585.101	154.683.196.154
Công ty CP Cao Tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Cho vay dài hạn	151.000.000.000	-
Công ty CP Quản lý và khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Cho vay dài hạn	99.213.231.397	77.493.898.009
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Cho vay dài hạn	-	164.300.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Cho vay dài hạn	-	-
Cộng		778.909.816.498	396.477.094.163

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
g) Các khoản phải thu ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Lãi cho vay	287.121.321	4.383.562
Hồ Minh Hoàng	Khác	50.000.000.000	70.365.343.259
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Miền Bắc	Lãi cho vay	32.700.120.373	59.039.987
Công ty Cổ phần Bất động sản Đèo Cả	Lãi cho vay	19.831.697.262	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	Lãi cho vay	14.172.686.705	11.860.686.705
Công ty CP Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Lãi cho vay	12.146.191.781	66.191.781
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Khác	7.292.538.551	6.839.007.547
Công ty Cổ phần ĐT TM Quốc Tế Hà Thành Võ Thủy Linh	Lãi cho vay	61.139.726	53.852.054
Công ty TNHH Đèo Cả Capital	Khác	-	200.100.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Khác	-	12.325.400.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Lãi cho vay	-	4.492.508.721
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Lãi cho vay	-	266.301.370
	Ký cược, ký quỹ	-	230.877.270
		-	6.649.520
Cộng		136.491.495.719	306.670.241.776
f) Các khoản phải thu dài hạn khác			
Công ty Cổ phần Đầu tư TMQT Hà Thành	Tạm ứng cổ tức	33.952.042.939	33.952.042.939
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Ký quỹ, ký cược	303.569.910	-
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Ký quỹ, ký cược	-	10.858.274.980
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Lãi cho vay	-	6.576.682.192
Cộng		34.255.612.849	51.387.000.111



III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
h) Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	166.627.695.062	276.475.907.247
Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Đường Cao tốc Đèo Cả	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	4.043.817.284	8.446.323.379
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Hải Thạch	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	1.837.991.651	1.306.111.651
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Đèo Cả	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	855.492.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	-	5.078.459.222
Cộng		173.364.995.997	291.306.801.499
i) Phải trả người bán dài hạn			
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Mua hàng hóa, dịch vụ khác	-	18.758.222.245
Cộng		-	18.758.222.245
k) Người mua ứng tiền trước ngắn hạn			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Dịch vụ xây lắp	29.929.090.776	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Dịch vụ xây lắp	728.691.177	36.452.285.564
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	Dịch vụ xây lắp	524.054.900	524.054.900
Cộng		31.181.836.853	36.976.340.464

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐÈO CẢ

32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

III SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
l) Người mua ứng tiền trước dài hạn			
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	Dịch vụ xây lắp	604.177.515.132	296.978.594.438
Công ty Cổ phần Xây Dựng Đèo Cả	Dịch vụ xây lắp	41.046.244.881	28.800.000.000
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Dịch vụ xây lắp	-	142.921.777.470
Cộng		645.223.760.013	468.700.371.908
m) Phải trả ngắn hạn khác			
Công ty Cổ phần Xây dựng Đèo Cả	Lãi vay	65.626.091.401	24.129.036.411
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Lãi vay	18.650.350.455	13.002.021.690
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	Lãi vay	1.419.987.208	1.530.987.208
Nguyễn Quốc Ánh	Cổ tức	320.000.000	320.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	Ký quỹ	50.000.000	50.000.000
Võ Thụy Linh	Cổ tức	-	58.560.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	Lãi vay	-	1.282.684.931
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Lãi vay	-	813.686.642
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	Lãi vay	-	36.915.836
Cộng		86.066.429.064	99.725.332.718

III SÓ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
n) Vay ngắn hạn			
Công Ty Cổ phần Tập Đoàn Hải Thạch	Vay ngắn hạn	-	50.743.788.093
Công ty Cổ phần Dầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Vay ngắn hạn	-	30.000.000.000
Cộng		-	80.743.788.093
o) Vay dài hạn			
Công ty Cổ phần đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	Vay dài hạn	44.000.000.000	92.000.000.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Thạch	Vay dài hạn	-	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	Vay dài hạn	-	4.428.428.619
Cộng		44.000.000.000	108.428.428.619

